TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
TP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 294/2023/HSST
Ngày: 30/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, TP HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lương

Bà Trần Thị Kim Dung

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Cán bộ Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Ánh - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 276/2023/HSST ngày 09/10/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **BÙI THANH T** - Sinh ngày 10/12/1993 tại Thanh Hóa

Quê quán: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Cư trú tại: số 60, ngõ 25, đường V, phường V, quận H1, Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Mường Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do Trình độ văn hoá: 12/12

Con ông: Bùi Thanh T1 Con bà: Nguyễn Thị H

Có vợ là Lê Thị N và có 02 con: lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2022

- TATS: không

(Danh chỉ bản số 487 do công an quận H lập ngày 06/7/2023)

Bị cáo tại ngoại. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- *Người bị hại*: Chị Mai Diệu L - SN 1988 (Vắng mặt)

Trú tại: P2803, Park 8, đô thị T, số 458 phố M, quân H, TP Hà Nội

- *Người liên quan*:

1/ Chị Lê Thị N - SN 1997 (Vắng mặt)

Cư trú tại: số 60, ngõ 25, đường V, quận H1, Hà Nội

2/ Chị Bùi Thị T3 - SN 1997 (Vắng mặt)

HKTT: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

3/ Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P

Trụ sở chính: tầng 25, Trung tâm Thương mại S, số 37 phố T, phường B, quận M, TP Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Phương Tiến M - Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành L - SN 1990 (Vắng mặt)

Chức vụ: Quản lý pháp lý của Công ty

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021, Bùi Thanh T là nhân viên chạy quảng cáo facebook cho thẩm mỹ viện của chị Mai Diệu L. Chị L đưa 01 thẻ visa của Ngân hàng TMCP K mang tên Mai Diệu L cho anh Đặng Đình T2 (SN 1976, địa chỉ: số 20B, ngõ 479 phố L, phường L, quận H, Hà Nội) là nhóm trưởng của nhóm nhân viên chạy quảng cáo. Anh T2 đã cài thông tin thẻ visa này vào máy tính xách tay của T để tiện cho việc T chạy quảng cáo cho chị L. Khoảng 04 tháng sau thì T nghỉ việc không làm cho chị L nữa mà đi bán bảo hiểm nhân thọ cho Công ty TNHH P. Để có thêm doanh số bán bảo hiểm và nhận tiền hoa hồng, T bảo vợ là chị Lê Thị N và em gái là chị Bùi Thị T3 mở hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của hãng P. Chị N và chị T3 đồng ý rồi chuyển cho T ảnh và thông tin nhân thân để T đăng ký mở 02 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ qua mạng internet. T đã đăng ký được hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 75155114 mang tên chị Lê Thị N và hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 75161403 mang tên chị Bùi Thị T3. Máy tính xách tay của T vẫn lưu thông tin thẻ visa ngân hàng của chị L. T đã tự ý dùng thẻ visa này của chị L để thanh toán tiền cho 02 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ nói trên, cụ thể: ngày 30/7/2021, T đã dùng thẻ chị visa của chị L thanh toán cho hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 75155114 mang tên chị Lê Thị N là 25.162.800 đồng; ngày 13/8/2021, T đã dùng thẻ chị visa của chị L thanh toán cho hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số số 75161403 mang tên chị Bùi Thị T3 là

19.060.800 đồng. Tổng số tiền T đã dùng thẻ visa của chị L để thanh toán thành công cho 02 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ nói trên là 44.223.600 đồng; chị N và chị T3 không biết việc thanh toán này. Sau đó, chị T3 đã trả cho T số tiền 19.060.800 đồng là tiền thanh toán tiền bảo hiểm nhân thọ của chị T3.

Ngày 30/8/2021, chị L đến Cơ quan Công an trình báo sự việc bị mất tiền trong thẻ visa và yêu cầu Ngân hàng TMCP K khóa tài khoản. Ngày 09/6/2023, T đã đến Cơ quan Công an đầu thú và khai báo về hành vi chiếm đoạt tiền của chị Mai Diệu L như trên.

Tại Cơ quan Điều tra, chị Lê Thị N và chị Bùi Thị T3 trình bày: khoảng tháng 8/2021, T làm tư vấn bảo hiểm nhân thọ P và nói sẽ mở hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho chị N và chị T3 để hưởng tiền hoa hồng và tiết kiệm tiền. Hai chị đồng ý và chuyển ảnh, căn cước công dân để T mở hợp đồng bảo hiểm qua mạng internet. Các chị không biết T dùng nguồn tiền nào để thanh toán tiền bảo hiểm. Sau đó chị T3 đã trả cho T số tiền hợp đồng bảo hiểm của chị T3. Đối với 02 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ này, do chị N và chị T3 không đóng các kỳ tiếp theo nên công ty bảo hiểm đã hủy các hợp đồng này.

Cơ quan Điều tra đã xác minh tại Công ty bảo hiểm P, xác định: ngày 30/7/2021, Công ty này đã nhận được số tiền 25.162.800 đồng đóng kỳ phí đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm số 75155144 bên mua bảo hiểm là chị Lê Thị N; ngày 13/8/2021 có giao dịch số tiền 19.060.800 đồng đóng kỳ phí đầu tiên cho hợp đồng số 75161403 bên mua bảo hiểm là chị Bùi Thị T3. Số tiền mua 02 hợp đồng bảo hiểm này được chuyển từ thẻ visa mang tên chị Mai Diệu L

Cơ quan Điều tra đã sao kê tài khoản thẻ tín dụng của chị Mai Diệu L tại Ngân hàng TMCP K và xác định: ngày 30/7/2021 chuyển đi số tiền 25.192.800 đồng; ngày 13/8/2021 chuyển đi số tiền 19.060.800 đồng.

Đối với chị Lê Thị N và chị Bùi Thị T, do hai chị không biết việc T sử dụng thẻ visa của chị L để thanh toán tiền bảo hiểm nhân thọ cho mình nên các chị không đồng phạm với T về hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Đối với chiếc máy tính xách tay T đã sử dụng để chiếm đoạt tiền, do máy bị hỏng, T đã vứt đi nên không thu giữ được vật chứng.

Về bồi thường dân sự: chị Mai Diệu L đã được T bồi thường tổng số tiền bị chiếm đoạt là 44.223.600 đồng, chị L không có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 271/CT-VKSND-HM ngày 06/10/2023, VKSND quận Hoàng Mai truy tố Bùi Thanh T về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 2 Điều 290 - BLHS 2015.

Tại phiên toà: bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận cáo trạng truy tố đúng hành vi bị cáo đã thực hiện, ăn năn hối hận và đề nghị Tòa xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Xử phạt bị cáo từ 26 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 52 tháng đến 60 tháng về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[**1**] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[**2**] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do trước đó Bùi Thanh T là nhân viên chạy quảng cáo facebook cho thẩm mỹ viện của chị Mai Diệu L nên trong máy tính của T có cài và lưu thông tin thẻ visa ngân hàng của chị L. Ngày 30/7/2021, Bùi Thanh T đã sử dụng thẻ visa số 4573-5300-0402-8523 tại Ngân hàng TMCP K của chị Mai Diệu L để thanh toán hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 75155144 mang tên Lê Thị N với số tiền 25.162.800 đồng. Đến ngày 13/8/2021, T tiếp tục sử dụng thẻ visa nêu trên để thanh toán hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 75161403 mang tên Bùi Thị T3 với số tiền 19.060.800 đồng. Chủ thẻ là chị Mai Diệu L không biết T đã sử dụng thẻ ngân hàng của mình để thanh toán tiền hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho người thân của T. Đến ngày 30/8/2021, chị L mới phát hiện ra thẻ visa của mình bị

mất tiền và trình báo cơ quan Công an và sau đó hành vi của T bị phát hiện. Tổng cộng, Bùi Thanh T đã chiếm đoạt trái phép số tiền trong thẻ visa của chị Mai Diệu L là 44.223.600 đồng. Như vậy, hành vi của Bùi Thanh T đã phạm vào tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 290 - BLHS 2015 với tình tiết phạm tội từ hai lần trở lên. Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ pháp lý. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, do vậy cần thiết xử lý bị cáo bằng pháp luật để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[**3**] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo: bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo các tình tiết giảm nhẹ: chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường toàn bộ thiệt hại khắc phục hậu quả; bị cáo đầu thú; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo là người dân tộc thiểu số. Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo cũng là lao động chính trong gia đình, có hai con còn nhỏ, nhận thức pháp luật hạn chế, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng; do vậy xét thấy không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà có thể cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[**4**] Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

[**5**] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 99 - BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[**6**] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 - BLTTHS 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bùi Thanh T phạm tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 290; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1,2,5 Điều 65 - BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: phạt **Bùi Thanh T 26** (*hai sáu*) **tháng tù** nhưng cho **hưởng án treo**, hạn **thử thách** là **52** (*năm hai*) **tháng** kể từ ngày tuyên án

Giao bị cáo cho UBND phường V, quận H1, TP Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian thử thách

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự

Về án phí: Điều 136 - BLTTHS 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

***Về quyền kháng cáo*:** áp dụng các Điều 331, 333 - BLTTHS 2015:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Mai Diệu L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Chị Lê Thị N, chị Bùi Thị T3, Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về việc thi hành án: áp dụng Điều 26 - Luật Thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội

- VKSND TP Hà Nội
- VKSND quận Hoàng Mai, Hà Nội
- Công an quận H, Hà Nội
- Cơ quan THA hình sự và cơ quan THA dân sự quận H, Hà Nội
- Bị cáo, người liên quan
- Lưu HSVA, VP

Đỗ Thị Mai Thu